

Bản án số: 30/2019/DS-PT  
Ngày: 18/02/2019  
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng  
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Yên Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:***

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 25/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1941.

Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp Q, xã S, huyện T, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn Tặng – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Tặng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1961.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

+ Chị Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1980.

+ Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã S, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1983.

- Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của chị L:* Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1983.

- Chị Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1980.

- Anh Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1981.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của anh Tr:* Chị Huỳnh Thị Bé T, sinh năm 1980.

- Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1971.

- Chị Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã S, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- ***Người kháng cáo:*** ông Huỳnh Văn V là bị đơn; chị Huỳnh Thị Bé T, anh Huỳnh Văn N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm:*

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2018 và những lời khai tiếp theo của anh Huỳnh Văn L người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:*

Theo cha anh nói lại vào năm 1972, cha anh là ông H có mua phần đất của bà ông có diện tích 5.000m<sup>2</sup> (từ con rạch), đến năm 1978 ông cho Huỳnh Văn V 2.500m<sup>2</sup> đất vườn được cắt ra từ diện tích 5.000m<sup>2</sup> thuộc quyền quản lý sử dụng của ông. Vào thời điểm ông cho đất, Nhà nước chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thừa đất ông H cho ông V có tứ cận như sau:

Hướng Bắc giáp thửa đất bà Huỳnh Thị D.

Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn C (nay là Huỳnh Thanh H).

Hướng Đông giáp thửa đất Huỳnh Văn T.

Hướng Tây giáp Huỳnh Văn H.

Theo tờ xác nhận của Tài chánh ấp Q, xã S ngày 06/01/1993 căn cứ theo đo đạc huyện T tháng 12/1991 thì diện tích đất của Huỳnh Văn V là 2.432m<sup>2</sup>.

Ngày 11/5/1993, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn V lên đến 3.625m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 1, thửa 471 vượt hơn diện tích đất ông H cho. Nhiều lần ông H yêu cầu ông V phải điều chỉnh lại diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng nguyện vọng của ông H nhưng không biết lý do nào V cứ hện lần này đến lần khác, buộc cha anh làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết.

Tuy nhiên, không hiểu sau V có biên bản chứng kiến của tổ hòa giải đề ngày 10/11/2001 có xác nhận tứ cận diện tích đất ông H cho V không đúng với thực tế mà ông H đã chỉ cho V tại thực địa ông H cho đất. Trong cuộc họp này không có mặt ông H nhưng lại giả chữ ký của ông H, cũng chính từ biên bản này mà V bổ sung hồ sơ xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 với diện tích vẫn là 3.625m<sup>2</sup>.

Đến khoảng tháng 3/2015, Huỳnh Văn N và Huỳnh Thị Bé T (con ông Huỳnh Văn V) tự ý vào phần đất của ông H xây cất nhà kiên cố trên phần đất hiện ông H đang tranh chấp với ông V, mỗi nhà xây dựng khoảng 50m<sup>2</sup> tại thửa số 415, tờ số 1 do ông H đứng tên. Dù Ủy ban nhân dân xã S có biên bản ngăn chặn việc xây dựng nhưng Tâm và Nam vẫn xây dựng.

Thửa đất mà ông H đã cho ông V là hình chữ nhật nhưng hiện ông V quản lý sử dụng là chữ L.

Trước đây, ông H yêu cầu V và các con ông V phải trả diện tích khoảng 800m<sup>2</sup>, nay sau khi đo đạc thực tế, ông H yêu cầu V cùng các con ông phải trả thêm 55,4m<sup>2</sup>. Như vậy, tổng diện tích ông yêu cầu ông V và gia đình ông V phải trả 855,4m<sup>2</sup> tại thửa 415, tờ số 1, trong đó có lối đi vào khu đất vườn nhà ông H cũng là lối đi vào nhà của anh L có diện tích ngang 2,08m, dài 15,73m = 33,7m<sup>2</sup>. Đồng thời, anh N và chị T phải tự tháo dỡ và di dời nhà kiên cố đi nơi khác mà ông H không bồi thường bất cứ hình thức nào.

*Trong đơn phản tố và yêu cầu độc lập, biên bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 31/7/2018, ngày 15/3/2018 và ngày 27/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là người được bị đơn ủy quyền trình bày:*

Cha anh (ông V) là con trai trưởng của ông Huỳnh Văn H, sau khi mẹ ông V sinh ra ông thì bà đã qua đời nên ông H gởi ông V về bên bà ngoại sinh sống. Vào năm 1978, ông H kêu ông V về cho một phần đất để ở với diện tích 2.500m<sup>2</sup> nhưng đến năm 1993 khi chính quyền đến đo đạc đất thì cha ông là ông H cho thêm 1.100m<sup>2</sup> với lý do ông H không nuôi ông V được nên bù đắp cho con là 3.625m<sup>2</sup> và đã ký qua sổ đăng ký quyền sử dụng đất cho ông V. Vì lý do kinh tế nên cha mẹ anh về xã Thới Sơn, tỉnh Tiền Giang sinh sống. Trong thời gian cha anh vắng mặt, Huỳnh Văn L là con mẹ kế của ông V vào chiếm. Đến năm 2001, cha anh ông V trở về có yêu cầu ông L giao lại phần đất cho cha anh, vì quá nghèo nên không có khả năng đo đạc lại nên cha anh ông V chỉ lấy phỏng, thời gian sau cha anh có đo đạc lại thiếu khoảng 1.000m<sup>2</sup> nhưng vì thấy cha ông V là ông H già nên ông V không muốn kiện nhưng nay không hiểu vì sao ông H lại đi thừa cha anh đòi phần đất mà trước đây đã ký cho cha anh mấy mươi năm nay, cũng từ nguyên nhân này cha anh có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả lại 1.669,2m<sup>2</sup> theo sơ đồ cũ thửa 415, tờ số 1 (thửa mới 203-3, 203-4, 203-5, 203-6, 203-7, 203-8, 203-9, 203-10, 203-11 với diện tích 445m<sup>2</sup> và thửa 203-2 diện tích 1.224,2m<sup>2</sup>). Cha anh đồng ý trả lại ông H thửa 203-9 diện tích 405,5m<sup>2</sup>, yêu cầu ông H trả lại giá trị cây trồng cho ông V theo giá đã định.

Ông V cũng yêu cầu ông L, bà S phải di dời nhà và cây trồng giao trả lại phần đất theo đo đạc thực tế thửa 203-2 diện tích 1.224,2m<sup>2</sup> mà vợ chồng ông L đã lấn chiếm, cha anh không hỗ trợ chi phí di dời nhà và cây trồng cho vợ chồng ông L.

*Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/3/2018 và ngày 27/4/2018 và những lời khai tiếp theo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng là người được bị đơn ủy quyền, chị Huỳnh Thị Bé T trình bày:*

Chị cũng có ý kiến giống như ông V và anh N trình bày tại phiên tòa là vợ chồng chị không đồng ý theo yêu cầu của ông H là buộc chị di dời, trả đất lại cho ông H vì phần đất tranh chấp này là của ông V cho chị cất nhà ở.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:*

Áp dụng các Điều 6, 12, 166, 202, 203 Luật Đất đai; Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn H đối với Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn N và Huỳnh Thị Bé T.

2. Buộc ông Huỳnh Văn V, anh Huỳnh Văn N và chị Huỳnh Thị Bé T phải trả cho ông Huỳnh Văn H phần đất hiện ông và các anh, chị đang sử dụng.

Đất có thực trạng như sau:

- Hướng Đông giáp Huỳnh Văn V.
- Hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn D, Lê Thị Tuyết M, Lương Thị Thanh N.
- Hướng Nam giáp đất Huỳnh Thanh H.
- Hướng Bắc giáp đất Huỳnh Công S, Huỳnh Văn M.

Đất có diện tích 855,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 415, tờ số 01 (thửa mới 203-3, 203-4, 203-5, 203-6, 203-7, 203-8, 203-9, 203-10, 203-11, 202-2, tờ số 8) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất E930772 ngày 5/7/1996 mang tên Huỳnh Văn H, đất tọa lạc tại ấp Q, xã S, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đồng thời, vợ chồng anh Huỳnh Văn N, Nguyễn Thị Kim L và vợ chồng anh Huỳnh Văn T và Huỳnh Thị Bé T cùng gia đình các anh, chị phải di dời nhà và các công trình vật kiến trúc trên đất đó đi nơi khác.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng).

Cho phép vợ chồng anh Huỳnh Văn N, Nguyễn Thị Kim L và vợ chồng anh Huỳnh Văn T và Huỳnh Thị Bé T cùng gia đình các anh, chị được quyền lưu cư trong hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực.

3. Buộc ông Huỳnh Văn H phải bồi hoàn hoa màu, công sức cho anh Huỳnh Văn N và chị Nguyễn Thị Kim L 27.000.000 đồng.

- Việc giao đất và tiền bồi hoàn được tiến hành song song.

4. Buộc ông Huỳnh Văn V phải hoàn trả chi phí tố tụng cho ông Huỳnh Văn H là 5.070.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre được duy trì khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn V đối với ông Huỳnh Văn H về việc ông V yêu cầu ông H phải trả phần đất 1.669,2m<sup>2</sup> theo sơ đồ địa chính thửa 415, tờ số 01 (theo thửa mới 203, tờ số 8) gồm các thửa 203-3, 203-4, 203-5, 203-6, 203-7, 203-8, 203-9, 203-10, 203-11 diện tích là 445m<sup>2</sup>, thửa 203-2 diện tích là 1.224,2m<sup>2</sup>.

7. Đình chỉ yêu cầu của anh Huỳnh Văn L về việc anh L không yêu cầu ông Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn N, Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị Kim L phải tháo dỡ hàng rào mở lối đi có diện tích ngang 2,08m; dài 15,73m=33,7m<sup>2</sup>.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/11/2018, ngày 28/11/2018, bị đơn ông Huỳnh Văn V có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung.

Ngày 20/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Bé T, Huỳnh Văn N có đơn kháng cáo.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bé T và anh Huỳnh Văn N trình bày:*

Ông V và anh chị vẫn giữ yêu cầu kháng cáo là đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh chị phải di dời nhà, trả đất cho ông H. Đồng thời, anh chị có trình bày là vào năm 1978 ông H cho đất ông V diện tích đất bao nhiêu thì ông V sử dụng đúng diện tích đất mà ông H đã cho. Biên bản chứng kiến ngày 10/11/2001, ông H cho ông V 2.500m<sup>2</sup> đất có hình thể là hình chữ nhật nhưng do thời điểm đó ông L đã lấn chiếm nên mới giao đất cho ông V thành hình chữ L như họa đồ hiện trạng sử dụng đất mà Tòa án đo đạc. Vì vậy, nếu chấp nhận yêu cầu của bị đơn theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thì bị đơn xin sử dụng theo đúng diện tích đất mà ông H cho ông V.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai bên với tổng diện tích trên 7.000m<sup>2</sup> là có sai lệch, trong khi đo đạc thì diện tích chỉ có trên 5.000m<sup>2</sup>. Biên bản giao đất năm 2001 không có giá trị pháp lý vì thực tế ông H không có tham dự. Mặt khác, tứ cận diện tích đất cho ông V ghi không đúng thực tế vì nếu vậy là ông H cho hết ông V toàn bộ diện tích đất của ông H. Vị trí từ điểm C đến điểm E là phù hợp thực tế ông H cho đất ông V nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 04/10/2018 thì phần diện tích đất còn lại của ông V sử dụng là 1.955,8m<sup>2</sup>, như vậy chưa đủ phần đất mà ông H thừa nhận đã cho ông V là 2.500m<sup>2</sup> là làm thiệt hại đến quyền lợi của ông

V; đồng thời, họa đồ hiện trạng sử dụng đất chưa thể hiện diện tích những khoảng trống tiếp giáp với nhiều thửa là bao nhiêu và thuộc quyền sử dụng của thửa nào nhưng Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa xem xét toàn diện vụ án, không đảm bảo thi hành án. Hơn nữa, nhà của anh N, chị T trên đất tranh chấp là nhà kiên cố, việc Tòa sơ thẩm buộc di dời nhà và các công trình kiến trúc là không hợp lý. Các vi phạm nêu trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn tranh chấp yêu cầu ông V và các con ông V phải trả phần đất có diện tích 855,4m<sup>2</sup> gồm các thửa 203-3, 203-4, 203-5, 203-6, 203-7, 203-8, 203-9, 203-10, 203-11 (thuộc một phần thửa 203) và thửa 202-2; yêu cầu anh Nam, chị Tâm di dời nhà, trả lại phần đất này cho nguyên đơn và không đồng ý bồi thường nhà, cây trồng cho gia đình ông V. Phía bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp 855,4m<sup>2</sup> là của bị đơn Huỳnh Văn V; ngoài ra còn yêu cầu ông L, bà S phải di dời nhà và cây trồng giao trả lại phần đất theo đo đạc thực tế thửa 203-2 diện tích 1.224,2m<sup>2</sup> mà vợ chồng ông L đã lấn chiếm và bị đơn cũng không hỗ trợ chi phí di dời nhà và cây trồng cho vợ chồng ông L.

[2] Căn cứ họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 04/10/2018 đo đạc để phục vụ xét xử theo yêu cầu của Tòa án thì các phần đất thuộc các thửa 203-3, 203-4, 203-5, 203-6, 203-7, 203-8, 203-9, 203-10, 203-11 còn nhiều thửa đất nhỏ khác chưa được xác định diện tích. Đồng thời, thửa 202-2 (diện tích 4,9m<sup>2</sup>) ghi thuộc thửa 203 nhưng theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất phải thuộc thửa 202 nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ các diện tích đất này.

[3] Cũng theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất nêu trên, phía bắc thửa 202, 203 giáp thửa 136, 137 hiện ông V, anh N, chị T quản lý có sử dụng qua phần diện tích đất của thửa 136, còn chủ thửa đất 137 có sử dụng qua phần diện tích đất của thửa 202, 203 nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa xác định được phần diện tích đất mà các chủ sử dụng đất này đang sử dụng và cũng không làm việc, đưa các chủ sử dụng đất của thửa 136, 137 tham gia tố tụng để làm rõ thực tế diện tích đất này thuộc quyền sử dụng đất của ai là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chính nguyên đơn trình bày tổng diện tích thửa đất năm 1972 ông H mua khoảng 5.000m<sup>2</sup> đất, năm 1978 ông H cho ông V 2.500m<sup>2</sup>. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cho rằng ngày 10/11/2001, ông H cũng khẳng định cho ông V 2.500m<sup>2</sup> đất có thể hiện tại biên bản chứng kiến ngày 10/11/2001. Phía nguyên đơn có trình bày mặc dù cho ông V diện tích 2.500m<sup>2</sup> đất nhưng khi chỉ ranh thì xác định vị trí cho đất ông V cạnh phía tây (phần còn lại của đất ông H) là vị trí từ điểm C đến điểm E nên diện tích đất ông V thực tế được cho là 1.955,8m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn không ai đưa ra được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình, trong khi đó căn

cứ những chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì nguyên đơn cho bị đơn diện tích đất là 2.500m<sup>2</sup>, tuy nhiên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất của các bên đều khác diện tích đất nêu trên, theo đó, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.525m<sup>2</sup>, ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.625m<sup>2</sup>. Mặt khác, trong họa đồ hiện trạng sử dụng đất không có cơ sở nào phục vụ giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn trình bày nhưng cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xác định diện tích đất của bị đơn ông V có 1.955,8m<sup>2</sup> là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V; hơn nữa, trên diện tích đất 855,4m<sup>2</sup> hiện có 02 ngôi nhà xây tường kiên cố nhưng cấp sơ thẩm buộc gia đình chị T và anh N di dời nhà là không thể thực hiện được nên chưa đảm bảo việc thi hành án.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần phải hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo thủ tục chung. Do án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Quan điểm của luật sư, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu giữ y án sơ thẩm; bị đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm đều không có căn cứ chấp nhận.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre; giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Ông Huỳnh Văn V, chị Huỳnh Thị Bé T, anh Huỳnh Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn V, chị Huỳnh Thị Bé T, anh Huỳnh Văn N mỗi người số tiền 300.000 đồng lần lượt theo biên lai thu số 0020535, 0020534, 0020533 ngày 21/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bến Tre (do chị Nguyễn Thị Kim L nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện T (1b);
- Chi cục THADS huyện T (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (5b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Kim Cửa**